

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đất
làm vật liệu san lấp và thu hồi đá cát kết có hàm lượng SiO₂ trung bình
79,36% tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
của Công ty TNHH 1 thành viên DHT**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế; số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3029/2017/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đất san lấp và tận thu khoáng sản đi kèm tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống của Công ty TNHH Một thành viên DHT; Giấy phép khai thác khoáng sản số 260/GP-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 144/TTr-STNMT ngày 11/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đất làm vật liệu san lấp và thu hồi đá cát kết có hàm lượng SiO₂ trung bình 79,36% tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH một thành viên DHT;
 - Địa chỉ: Nhà ông Đậu Văn Dênh, thôn Thương, xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

- Mã số thuế: 2801685775.

2. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- $G_1 = G_{tn} \times K_{qd} = 49.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,290 = 63.210 \text{ đồng/m}^3$ (đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình);

- $G_2 = G_{tn} \times K_{qd} = 60.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,21 = 72.600 \text{ đồng/m}^3$ (đối với đất, đá, cát có hàm lượng SiO₂ nhỏ hơn 85%).

3. Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác: $Q = Q_1 + Q_2 = 1.222.480 \text{ m}^3$;

Trong đó:

- $Q_1 = 1.043.687 \text{ m}^3$ (là trữ lượng đất làm vật liệu san lấp);

- $Q_2 = 178.793 \text{ m}^3$ (là trữ lượng đá cát kết có hàm lượng SiO₂ trung bình 79,36%).

4. Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$.

5. Hệ số điều kiện kinh tế - xã hội: $K_2 = 0,95$.

6. Mức thu tiền cấp quyền khai thác: $R = 3\%$ (đối với các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại, trừ nguyên liệu sản xuất cát nghiền).

7. Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp:

$T = (Q_1 \times G_1 \times K_1 \times K_2 \times R) + (Q_2 \times G_2 \times K_1 \times K_2 \times R) = (1.043.687 \text{ m}^3 \times 63.210 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,95 \times 3\%) + (178.793 \text{ m}^3 \times 72.600 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,95 \times 3\%) = 2.025.114.364 \text{ đồng}$ (Hai tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, một trăm mười bốn nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng);

- Số tiền đơn vị đã nộp theo Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của UBND tỉnh (T_1) = 252.835.676 đồng;

*** Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị còn phải nộp là:**

$T_2 = T - T_1 = 2.025.114.364 \text{ đồng} - 252.835.676 \text{ đồng} = 1.772.278.688 \text{ đồng}$ (Một tỷ, bảy trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng).

8. Số năm khai thác (làm tròn) là: $X = 10$ năm.

9. Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: $X/2 = 5$ lần (hoàn thành việc thu tiền cấp quyền vào nửa đầu thời hạn cấp phép).

10. Số tiền nộp lần đầu:

$T_{ld} = T_2 : (X : 2) \times 30\% = 1.772.278.688$ đồng : $(10 : 2) \times 30\% = 106.336.721$ đồng (*Một trăm linh sáu triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm hai mươi một đồng*).

11. Số tiền nộp lần thứ 02 đến lần thứ 05:

$T_{hn} = (T_2 - T_{ld}) : (5 - 1) = (1.772.278.688 \text{ đồng} - 106.336.721 \text{ đồng}) : (5 - 1) = 416.485.492$ đồng (*Bốn trăm mười sáu triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng*).

12. Thời điểm nộp tiền:

Lần đầu chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo của cơ quan thuế; từ lần thứ hai vào năm tiếp theo được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 18 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty TNHH một thành viên DHT về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Công ty TNHH một thành viên DHT:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định;

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, kiểm soát tải trọng phương tiện vận chuyển khoáng sản; sửa chữa các đường giao thông hư hỏng do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra;

3. UBND huyện Nông Cống; UBND xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống có trách nhiệm quản lý, kiểm soát tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) đối với Công ty TNHH một thành viên DHT.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Nông Cống; Chủ tịch UBND xã Trượng Sơn, huyện Nông Cống; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên DHT; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC (KTH.22.06976).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi